TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/DS-ST
Ngày: 23-01-2024
V/v "V/v tranh chấp hợp ủy quyền, hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Trần Ngọc Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 565/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền, hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2023/QĐXXST-DS ngày 12/12/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1983; HKTT: Ấp Đ, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Vũ Anh T, sinh năm 1977; địa chỉ: huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 15/12/2022).

2. *Bị đơn*: Ông Trần Hoàng , sinh năm 1981; HKTT: Tổ 1, ấp L Vồ, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Văn Phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn có mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2022, đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2023 và ngày 14/11/2023, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/01/2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đ, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông T trình bày:***

Ông Nguyễn Hoàng Đ và ông Trần Hoàng A có mối quan hệ quen biết. Ngày 24/8/2022, ông A có vay số tiền 775.000.000 đồng, thời gian vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 3%/tháng. Hết thời hạn, ông A không trả nợ nên ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Athanh toán số tiền 844.750.000 đồng. Trong đó: tiền nợ gốc là 775.000.000 đồng; tiền lãi suất 3%/tháng x 03 tháng x 775.000.000 đồng là 69.750.000 đồng.

Ngày 27/4/2023, ông Đ khởi kiện bổ sung số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 26 tháng 12 năm 2022 đến nay là 27 tháng 4 năm 2023 là 3%/tháng x 04 tháng x 775.000.000 đồng là 93.000.000 đồng và đề nghị tuyên hủy hợp đồng ủy quyền ngày 09 tháng 4 năm 2021 ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng Đ với ông Trần Hoàng A được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V. Ông Đ đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 652745 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp ngày 25/9/2013 cho ông Angay sau khi ông Atrả hết nợ. Việc ký kết hợp đồng ủy quyền trên là để đảm bảo cho các giấy nợ trước ngày 24/8/2022 và ông A đã thanh toán xong.

Ngày 24/8/2023, ông Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về tiền lãi, chỉ yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 26/12/2022 đến ngày 27/7/2023 là 07 tháng với số tiền 90.055.000 đồng.

Ngày 14/11/2023, ông Đ khởi kiện bổ sung số tiền lãi phát sinh từ sau ngày 27 tháng 7 năm 2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án (tạm tính là 6 tháng) với số tiền lãi suất 1,66%/tháng x 06 tháng x 775.000.000 đồng là 77.190.000 đồng.

Ngày 23/01/2024, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu tiền lãi, chỉ yêu cầu lãi suất theo quy định pháp luật là 0,83%/tháng từ ngày 26/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tổng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 81.962.500 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 20/12/2022, Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản ngày 24/8/2022; Bản tự khai, Đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị hỗ trợ giao chứng cứ cùng ngày 20/12/2022; Hợp đồng ủy quyền ngày 15/12/2022; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2023 và Đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/11/2023; Hợp đồng ủy quyền ngày 09/4/2021, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/01/2024; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03158 ngày 25/9/2013 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông A.

**** Theo biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông A trình bày:***

Ông Acó vay mượn của anh Đ nhiều lần với số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 24/8/2022, ông Đ lập giấy nợ chốt lại số tiền nợ nợ gốc và tiền lãi ông

Achưa đóng là 775.000.000 đồng theo hợp đồng vay thế chấp tài sản ngày 24/8/2022. Chữ ký "Anh" và chữ viết họ tên Trần Hoàng A trong giấy hợp đồng cho vay là của của ông A. Ông A là người biết đọc và biết viết. Tuy nhiên, trong số 775.000.000 đồng thì có 500.000.0000 đồng là tiền gốc và 275.000.000 đồng là tiền lãi.

Ngoài ra, trước khi ký hợp đồng cho vay tiền ngày 24/8/2022 thì ông Acó thế chấp cho ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03158 ngày 25/9/2013 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông A, đồng thời hai bên đã ký hợp đồng ủy quyền toàn phần ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa ông Nguyễn Hoàng Đ với ông Trần Hoàng A được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ, ông Achỉ đồng ý thanh toán 500.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định pháp luật.

Chứng cứ bị đơn cung cấp: Biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2023.

**** Theo công văn 48/VPCC ngày 18/5/2023, đơn vắng mặt ngày 18/5/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V có ý kiến:***

Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1667, quyển số 01/2021 Tp/CCSCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2021 ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng Đ với ông Trần Hoàng A được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V được chứng nhận đúng quy định của pháp luật về trình tự thủ tục công chứng. Về nội dung vụ án đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** **Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được triêu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng ủy quyền". Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục.

Về nội dung vụ án: Ông Acó vay mượn của anh Đ nhiều lần với số tiền 500.000.000 đồng. Ngày 24/8/2022, ông Đ lập giấy nợ chốt lại số tiền nợ nợ gốc và tiền lãi ông Achưa đóng là 775.000.000 đồng theo hợp đồng vay thế chấp tài sản ngày 24/8/2022. Chữ ký "A" và chữ viết Trần Hoàng A trong giấy hợp đồng cho vay được ông Athừa nhận. Việc ông Acho rằng, trong số 775.000.000 đồng thì có 500.000.0000 đồng là tiền gốc và 275.000.000 đồng là tiền lãi nhưng

không có chứng cứ chứng minh nên yêu cầu khởi kiện đòi tiền gốc và tiền lãi theo quy định pháp luật của nguyên đơn được chấp nhận. Đối với hợp đồng ủy quyền tạo lập là che đậy hợp đồng vay nên đề nghị tuyên hợp đồng ủy quyền vô hiệu do giả tạo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, đại diện nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn được triêu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Bị đơn ông Acó hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương và nơi thực hiện hợp đồng là tại huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và hợp đồng vay tài sản" nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền vay: Nguyên đơn ông Đ khởi kiện yêu ông Athanh toán 775.000.000 đồng tiền gốc. Chứng cứ ông Đ cung cấp là bản chính Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản ngày 24/8/2022. Bị đơn ông Athừa nhận chữ ký và chữ viết trong Hợp đồng cho vay thế chấp. Tuy nhiên, ông Atrình bày chỉ vay 500.000.000 đồng tiền gốc còn 275.000.000 đồng là tiền lãi; giấy Hợp đồng cho vay thế chấp tài sản ngày 24/8/2022 là giấy nợ chốt lại nhiều lần vay trước đó cùng với tiền lãi chưa đóng. Ngược lại, ông Đ trình bày có cho ông Avay nhiều lần nhưng các lần trước đã thanh toán xong. Còn hợp đồng cho vay tiền ngày 24/8/2022 là khoản vay mới sau này. Tòa án có yêu cầu ông Acung cấp chứng cứ trong tổng số tiền 775.000.000 đồng có 275.000.000 đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ chứng minh nên yêu cầu của ông Đ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.1] Về yêu cầu tiền lãi: Hợp đồng vay tiền không thể hiện lãi suất. Tuy nhiên, ông Đ và ông Athừa nhận cho vay có lãi và ông Achưa đóng lãi đối với khoản nợ 775.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 27/4/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 24/8/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/11/2023 thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1,66%/tháng đối với khoản vay từ ngày 26/12/2022 đến ngày 26/01/2024 (tạm tính là ngày xét xử sơ thẩm) với số tiền lãi là 167.245.000 đồng). Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/01/2024, nguyên đơn chỉ yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 26/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là là 12 tháng 23 ngày. Cụ thể: Lãi suất một tháng là: 775.000.000 đồng x 0,83% = 6.432.500 đồng. Lãi suất một

năm là 77.190.000 đồng. Riêng tháng 01/2024 có 31 ngày nên lãi suất 23 ngày 4.772.500 đồng. Tổng số tiền lãi ông Aphải thanh toán cho ông Đ là 81.962.500 đồng. Yêu cầu lãi suất trên là phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xem xét yêu cầu khởi kiện hủy hợp đồng ủy quyền: Ông Đ khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền giữa ông Nguyễn Hoàng Đ với ông Trần Hoàng A được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V đối với phần đất có diện tích 483 m^2 thuộc thửa đất số 1173, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH03158 ngày 25/9/2013 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông A. Lý do: Hợp đồng ủy quyền được ký kết để đảm bảo cho các lần vay tiền mà ông Đ đã cho ông Avay. Các lần vay tiền khi ký hợp đồng ủy quyền đã được ông Athanh toán xong. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2023, ông Athừa nhận có vay nhiều lần tiền của ông Đ (không rõ thời gian vay) và có thế chấp cho ông Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03158 ngày 25/9/2013, đồng thời ký ủy quyền toàn phần ngày 09/4/2021 cho ông Đ. Như vậy việc căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn thì hợp đồng ủy quyền được tạo lập nhằm đảm bảo khoản vay của ông Anên hợp đồng ủy quyền bị vô hiệu theo Điều 122, 124 Bộ luật dân sự.

[5] Đối với việc nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi từ ngày vay 24/8/2022 đến ngày 26/12/2022, đồng thời chỉ yêu cầu lãi suất 0,83%/tháng là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Quá trình tố tụng, ông Đ thừa nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A, đồng ý trả lại cho ông Anên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[13] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[14] Về án phí: Ông Đ tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền; Ông Aphải chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227, 228, 229, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 562 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Trần Hoàng A.

1.1. Buộc ông Trần Hoàng A phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hoàng Đ số tiền 856.962.500 đồng (tám trăm năm mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng), bao gồm: 775.000.000 đồng (bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 81.962.500 đồng (tám mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày xét xử sở thẩm (24/01/2024) cho đến khi thi hành án xong, nếu ông Trần Hoàng A không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông A còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Đ về việc không yêu cầu ông Trần Hoàng A thanh toán số tiền lãi 155.032.500 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng Đ về việc tranh chấp hợp đồng ủy quyền đối với ông Trần Hoàng A.

2.1. Tuyên bố Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1667, quyển số 01/2021 Tp/CCSCC/HĐGD ngày 09 tháng 4 năm 2021 ký kết giữa ông Nguyễn Hoàng Đ với ông Trần Hoàng A được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Thị Thanh V đối với phần đất có diện tích 483 m^2 thuộc thửa đất số 1173, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CH03158 ngày 25/9/2013 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Hoàng A là vô hiệu.

2.2. Buộc ông Nguyễn Hoàng Đ có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Hoàng A bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03158 ngày 25/9/2013 do UBND huyện Dầu Tiếng cấp cho ông Trần Hoàng A

3. Về án phí:

3.1. Ông Nguyễn Hoàng Đ tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí về việc hủy hợp đồng ủy quyền. Sau khi khấu trừ 24.190.875 đồng (hai mươi bốn triệu một trăm chín mươi ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011287 ngày 23/12/2023, biên lai thu số AA/2021/0011700 ngày 04/5/2023 và biên lai thu số 0002770 ngày 15/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, hoàn trả cho ông Đ 23.890.875 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm chín mươi ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

3.2. Ông Trần Hoàng A phải chịu 37.708.875 đồng (ba mươi bảy triệu bảy trăm lẻ tám ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Mỹ **Nguyễn Thị Kim Phi** **Nguyễn Tuấn Nam**